

Bản án số: 194/2024/DS-ST
Ngày 18/10/2024
V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 và 18 tháng 10 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 139/2022/TLST-DS ngày 03 tháng 6 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2024/QĐXXST-DS ngày 10/9/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 144/2024/QĐST-DS ngày 27/9/2024 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Huỳnh Thị Hồng L, sinh năm 1980. Địa chỉ: số 132A, ấp H, xã G, huyện C, tỉnh B.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà L:* Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1976. Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn M, huyện M, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Bà Hà Thị H, sinh năm 1976. Địa chỉ: số 129, ấp G, xã A, huyện B, tỉnh B.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Hà Thị H:* Ông Nguyễn Hoàng L, sinh năm 1988. Địa chỉ: số 389, ấp C, xã M, huyện G, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Nguyễn Thị Bé H, sinh năm 1986. Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện B, tỉnh B.

Các đương sự được triệu tập đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong Đơn khởi kiện; Đơn khởi kiện bổ sung của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng L; Bản tự khai; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn P trình bày:

Trước đây, bà Huỳnh Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L với bà H đối với hai thửa đất số 86, 119 cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh B được công chứng ngày 08/02/2021 là vô hiệu. Yêu cầu Tòa án buộc bà H và bà H có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền 1.200.000.000 đồng; Yêu cầu trả lãi từ ngày 08/01/2022 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất 1,66%/tháng. Nay bà L đề nghị Tòa án cho bà L được thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Bà L chỉ yêu cầu bà Hà Thị H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay còn nợ là 1.200.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 08/01/2022 đến ngày 08/10/2024 với mức lãi suất 0,83%/tháng. Do, ngày 08/02/2021 bà Huỳnh Thị Hồng L có cho bà Hà Thị H vay số tiền 1.200.000.000 đồng để có vốn làm ăn, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng, vay không thời hạn, chỉ cần báo trước 10 ngày. Để làm tin hai bên có lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 08/02/2021 giữa bà L với bà H đối với hai thửa đất số 86 (05) diện tích 869,9m² và thửa đất 119 (05) diện tích 2.020m² giá 1.200.000.000 đồng. Khi giao nhận tiền, bà H và bà H giao cho bà L giữ một biên bản giao nhận tiền mua bán đất giữa bà H và bà H đối với hai thửa đất nói trên vào ngày 18/11/2020 để làm tin. Khi giao tiền thì bà L giao toàn bộ số tiền 1.200.000.000 đồng cho bà H, bà L không giao số tiền trên cho bà H. Nay bà L yêu cầu Tòa án buộc bà H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay còn nợ là 1.200.000.000 đồng, yêu cầu trả lãi từ ngày 08/01/2022 đến ngày 08/10/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng.

Bà L không yêu cầu bà H liên đới cùng trả nợ như khởi kiện ban đầu do bà H không liên quan trong hợp đồng vay giữa bà L và bà H. Liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 86, 119 cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã A thì bà L và bà H sẽ tự thương lượng với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp không thương lượng được thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Hoàng L trình bày:

Bà H cho rằng bà có chuyển nhượng cho bà Huỳnh Thị Hồng Lý phần đất thuộc thửa đất số 86, 119 cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã A, huyện B, tỉnh B với giá 1.200.000.000 đồng. Do bà mua đất của bà H nhưng chưa sang tên nên bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H chuyển nhượng trực tiếp qua cho bà L, bà H là người nhận tiền trực tiếp từ bà L số tiền 1.200.000.000 đồng, sau đó bà H có giao lại cho bà H số tiền 485.000.000 đồng, phần còn lại là của bà H. Việc mua bán chuyển nhượng phần đất nói trên đã hoàn thành, bà H đã nhận đủ số tiền từ bà L nên không còn liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng giữa bà L và bà H. Nên việc bà L không yêu cầu giải quyết hợp đồng chuyển nhượng nói trên trong vụ án này thì bà H không có ý kiến cũng như không có yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng chuyển nhượng giữa bà Hiền và bà L.

Bà H cho rằng không có vay của bà L khoản tiền nào, việc bà L cho rằng bà H vay của bà Lý số tiền 1.200.000.000 đồng là không có cơ sở. Trường hợp nếu bà H có vay của bà L thì giữa hai bên phải có hợp đồng vay cũng như thỏa thuận về lãi suất, nhưng phía bà L không chứng minh được bà H có vay của bà L số tiền nói trên. Bà L cho rằng bà H có chuyển khoản để trả lãi cho bà L nhưng trong bảng sao

kê không thể hiện cũng như bà L không chứng minh được số tiền mà bà H chuyển khoản là tiền lãi của số tiền mà Lý cho rằng bà H đã vay của bà L. Sau khi được Tòa án giao 02 đoạn ghi âm và “Bảng lược ghi” của 02 đoạn ghi âm mà phía nguyên đơn cung cấp cho Tòa án thì bà H cho rằng không phải giọng nói của bà H trong 02 đoạn ghi âm mà phía nguyên đơn cung cấp nên không có ý kiến gì về đoạn ghi âm nói trên. Bà H cũng không đồng ý giám định giọng nói trong các đoạn ghi âm mà bà L cung cấp cho Tòa án cũng như không đồng ý đối chất với bà L. Do đó, trước yêu cầu của bà L buộc bà H trả cho bà Lý khoản tiền vay 1.200.000.000 đồng thì bà H không đồng ý. Giữa bà H, bà Hiền, bà L chỉ có liên quan với nhau trong hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, không liên quan với nhau về việc vay tiền.

Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:

Ngày 18/11/2020, bà có chuyển nhượng cho bà Hà Thị H hai thửa đất số 86, tờ bản đồ số 05, diện tích 869,9m² và thửa đất số 119, tờ bản đồ số 05, diện tích 2.020m², tọa lạc tại xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre với giá 485.000.000 đồng, việc mua bán có làm giấy tay do bà và bà H ký tên. Tuy nhiên, sau đó bà H đề nghị bà chuyển nhượng hai thửa đất này qua cho bà L thì bà cũng đồng ý, bà cũng không quan tâm số tiền chuyển nhượng ghi trong hợp đồng giữa bà và bà L, mà chỉ quan tâm việc bà nhận đủ số tiền 485.000.000 đồng, bà không biết giữa bà L và bà H thỏa thuận như thế nào, nhưng sau khi bà ký hợp đồng chuyển nhượng QSD đất với bà L thì người nhận tiền trực tiếp từ bà L là bà H chứ bà không nhận từ bà L, sau đó bà H giao cho bà đủ số tiền 485.000.000 đồng, số tiền còn lại bà H giữ hết, bà biết ngày ký hợp đồng chuyển nhượng bà L giao cho bà H số tiền 1.200.000.000 đồng. Trước đây bà L yêu cầu bà và bà H có nghĩa vụ liên đới trả khoản vay mà bà L cho rằng bà và bà H vay của bà L là 1.200.000.000 đồng thì bà không đồng ý vì bà không vay tiền của bà L cũng như không vay tiền từ bà H. Nay bà L thay đổi yêu cầu khởi kiện, cụ thể chỉ yêu cầu bà Hà Thị H trả cho bà L số tiền gốc là 1.200.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh và bà L không yêu cầu bà liên đới cùng trả số tiền nói trên thì bà đồng ý và không có ý kiến gì. Liên quan đến việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 86, 119 cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã A thì bà và bà L sẽ tự thương lượng thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, trường hợp không thương lượng được thì sẽ giải quyết bằng một vụ kiện khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Ba Tri căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thụ lý và giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật.

[2] Nội dung vụ án: Bà Huỳnh Thị Hồng L khởi kiện yêu cầu bà Hà Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Lý số tiền vay còn nợ là 1.200.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 08/01/2022 đến ngày 08/10/2024. Về phía bà Hà Thị H không thừa nhận có vay của bà L số tiền 1.200.000.000 đồng, bà chỉ chuyển nhượng cho bà L phần đất thuộc thửa đất số 86, 119 cùng tờ bản đồ số 05,

tọa lạc tại xã A với giá 1.200.000.000 đồng. Về phía bà Nguyễn Thị Bé H cho rằng có chuyển nhượng cho bà H phần đất thuộc thửa đất số 86, 119 cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã A với giá 485.000.000 đồng, nhưng bà H yêu cầu bà làm thủ tục chuyển nhượng phần đất nói trên cho bà L, bà chứng kiến việc bà H nhận trực tiếp từ bà L số tiền 1.200.000.000 đồng và bà nhận tiền trực tiếp từ bà H mà không phải từ bà L. Nay bà L khởi kiện bà H về Hợp đồng vay tài sản thì bà không có ý kiến.

Xét thấy giữa bà Lý và bà H không thống nhất với nhau về việc có hay không có vay và cho vay tiền với nhau, nhưng có căn cứ xác định giữa bà L và bà Hiền có thực hiện hợp đồng vay với nhau dựa vào 02 đoạn ghi âm mà bà L cung cấp cho Toà án kèm “Bảng lược ghi” trong đó thể hiện đoạn hội thoại giữa bà H và bà L thì bà H thừa nhận còn nợ của bà L số tiền 1.200.000.000 đồng và bà H hứa sẽ sớm trả cho bà L số tiền nói trên cũng như tiền lãi phát sinh. Quá trình Toà án thụ lý giải quyết thì bà H có tình lẩn tránh không đến Toà tham gia đối chất với bà L. Mặt khác bà H cho rằng không phải giọng nói của bà trong 02 đoạn ghi âm mà bà L cung cấp, nhưng Toà án đã thông báo cho bà H đến Toà để lấy mẫu giọng nói để tiến hành giám định giọng nói nhưng bà H không đồng ý. Do đó, bà H phải chịu hậu quả của việc không chứng minh đối với chứng cứ mà bà L đã cung cấp. Ngoài ra, bà L còn cung cấp cho Toà án sao kê tài khoản Ngân hàng trong đó có việc bà H chuyển khoản theo như bà L trình bày là tiền lãi hàng tháng mà bà H trả cho bà, về phía bà H cũng không chứng minh được nguồn gốc của khoản tiền đã chuyển khoản cho bà L trong khi bà H cho rằng không có vay khoản tiền nào cũng như không có bất cứ giao dịch nào khác đối với bà L. Theo lời trình bày của bà Hiền trực tiếp chứng kiến bà L giao cho bà Hiền số tiền 1.200.000.000 đồng. Đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L và bà Hiền cũng thể hiện hiện giá trị hợp đồng là 485.000.000 đồng và bà Hiền nhận khoản tiền này từ bà H mà không phải từ bà L. Đối với bà Nguyễn Thị Bé H thì bà L và bà H đều thống nhất bà H không vay tiền của bà L và bà H.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L và bà Hiền đối với phần đất thuộc thửa số 86, 119 cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã A, huyện Ba Tri thì trước đây theo đơn khởi kiện thì bà L có yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nói trên và buộc bà Hiền cùng bà H có nghĩa vụ liên đới trả lại số tiền như đã chuyển nhượng, nhưng nay bà L rút yêu cầu khởi kiện này đối với bà Hiền và bà H. Về phía bà Hiền và bà H cũng không có yêu cầu phản tố đối với phần yêu cầu này của bà L. Mặt khác bà H cho rằng việc chuyển nhượng này đã kết thúc, các bên đã hoàn thành nghĩa vụ với nhau nên bà không còn liên quan gì đến hợp đồng chuyển nhượng này nên Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ yêu cầu này của bà L. Các đương sự có quyền tranh chấp bằng vụ kiện khác.

Tuy hợp đồng vay giữa bà L và bà H không thể hiện bằng văn bản nhưng có cơ sở để chứng minh bằng lời nói cụ thể là 02 đoạn ghi âm mà bà L cung cấp, bà H chỉ trình bày miệng mà không có chứng cứ chứng minh cho lời nói của mình về việc không thực hiện hợp đồng vay với bà L nên không có cơ sở để xem xét. Từ những nhận định nói trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Hồng L đối với bị đơn bà Hà Thị H. Buộc bà Hà Thị H có nghĩa vụ trả cho bà L số tiền vay còn nợ là 1.200.000.000 đồng. Do yêu cầu của bà L được chấp nhận nên Hội đồng xét xử xem xét việc yêu cầu tính lãi của bà L từ thời điểm ngày

08/01/2022 đến 08/10/2024 là phù hợp, do trong 02 đoạn ghi âm thể hiện đoạn hội thoại giữa bà L và bà H có đề cập lãi suất cho nên xác định hợp đồng vay giữa bà L và bà H là hợp đồng vay có lãi. Bà L thừa nhận từ thời điểm vay đến nay bà H đã trả cho bà L số tiền lãi là 137.000.000 đồng nếu tính lãi suất theo quy định từ ngày 08/02/2021 đến ngày 07/01/2022 thì số tiền lãi bà H đóng cho bà L là thấp hơn so với thực tế, nhưng đây là sự tự nguyện của bà L và có lợi cho bà H nên ghi nhận. Do đó, chấp nhận yêu cầu tính lãi của bà L trên số tiền 1.200.000.000 đồng theo mức lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 08/01/2022 cho đến ngày 08/10/2024 là 33 tháng và được tính như sau: $1.200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% \times 33 \text{ tháng} = 328.680.000 \text{ đồng}$.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hà Thị H có nghĩa vụ chịu án phí trên số tiền 1.528.680.000 đồng là tiền gốc và lãi phát sinh mà bà H phải trả cho bà L được tính như sau: $36.000.000 \text{ đồng} + (3\% \times 728.680.000 \text{ đồng}) = 57.860.400 \text{ đồng}$. Bà Huỳnh Thị Hồng L không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các điều 280, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Hồng L đối với bị đơn bà Hà Thị H.

Buộc bà Hà Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Hồng L tổng số tiền vay còn nợ và lãi phát sinh là 1.528.680.000 đồng (*Một tỷ năm trăm hai mươi tám triệu sáu trăm tám mươi nghìn*) đồng (Trong đó 1.200.000.000 đồng tiền gốc và 328.680.000 đồng tiền lãi).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật, khi có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu số tiền trên chưa được thi hành thì người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Hồng L đối với bà Hà Thị H và bà Nguyễn Thị Bé H về “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” đối với phần đất thuộc thửa số 86, 119 cùng tờ bản đồ số 05, tọa lạc tại xã A, huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Hà Thị H phải chịu số tiền 57.860.400 (*Năm mươi bảy triệu tám trăm sáu mươi nghìn bốn trăm*) đồng.

Hoàn trả cho bà Huỳnh Thị Hồng L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 24.780.000 (*Hai mươi bốn triệu bảy trăm tám mươi nghìn*) đồng theo biên lai thu

số: 0004132 ngày 19/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[4] Đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

[5] Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Minh Tâm